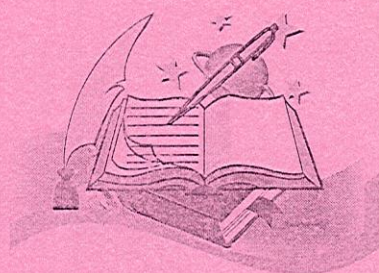


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN

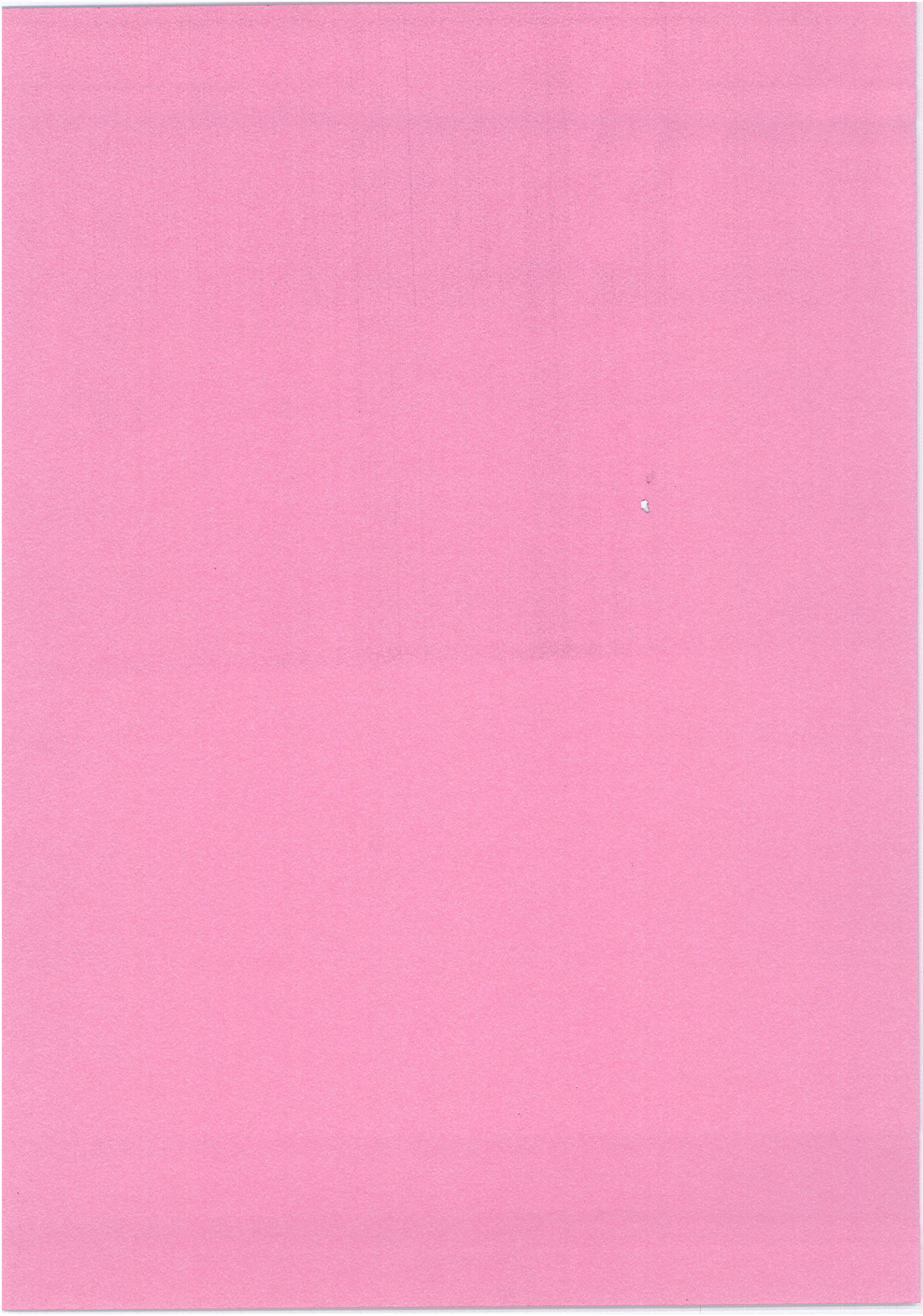


3 CÔNG KHAI

*(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của bộ giáo dục và đào tạo
về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục
của hệ thống giáo dục quốc dân)*



Năm học: 2020 – 2021

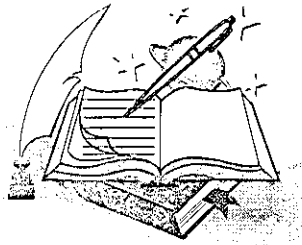


PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN



3 CÔNG KHAI

*(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
ngày 28/12/2017 của bộ giáo dục và đào tạo
về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục
của hệ thống giáo dục quốc dân)*



Năm học: 2020 – 2021

BÁO CÁO

Việc thực hiện ba công khai năm học 2019-2020
*(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục
của hệ thống giáo dục quốc dân)*

I. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 của trường tiểu học theo hướng dẫn tuyển sinh của Phòng GD&ĐT, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

c. Kiểm định cơ sở giáo dục:

Thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục đạt Mức độ 1.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a. Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo Biểu mẫu 07)

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 08)

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học.

3. Công khai thu chi tài chính:

a. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017-TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

b. Các khoản thu theo văn bản chỉ đạo của UBND Quận 2.

c. Các khoản chi theo từng năm học

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm các khoản đóng góp đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

II. Hình thức công khai:

1. Đối với các nội dung quy định trên theo thông tư 36:

Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục, thông tin trên website trường nhằm đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định công khai thu chi, cơ sở giáo dục thực hiện công khai như sau:

a. Đối với học sinh mới tiếp nhận: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi cơ sở giáo dục tiếp nhận.

b. Đối với học sinh đang học: Phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

III. Kết quả thực hiện:

Nhà trường đã thực hiện công khai theo đúng quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong hoạt động của nhà trường.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Quận 2 (để báo cáo)
- Công khai văn phòng trường
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Kim Thành

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai năm học 2020-2021

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Thực hiện theo sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Quận 2 quy định về công khai minh bạch trong hoạt động cơ quan đơn vị.

Trường Tiểu học Nguyễn Hiền xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị năm học 2020 - 2021 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung công khai:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a. Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 1 của trường tiểu học theo hướng dẫn tuyển sinh của Ủy ban nhân dân và Phòng Giáo dục và đào tạo quận 2, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b. Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các hội thi, số học sinh dự xét Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học, số học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình bậc Tiểu học (Theo Biểu mẫu 06)

c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục:

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, Báo cáo đánh giá ngoài.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a. Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo Biểu mẫu 07)

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Theo Biểu mẫu 08)

3. Công khai thu chi tài chính:

3.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017-TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

3.2 Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

3.3 Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

3.4 Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

III. Hình thức công khai:

1. Đối với các nội dung quy định trên của Quy chế này:

Niên yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định công khai thu, cơ sở giáo dục thực hiện công khai như sau:

a. Đối với học sinh mới tiếp nhận: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi cơ sở giáo dục tiếp nhận.

b. Đối với học sinh đang học: Phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và cơ quan chủ quản 30 tháng 9 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cơ sở giáo dục.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a. Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục.

b. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục trong năm học 2020-2021 của Trường Tiểu học Nguyễn Hiền.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT Quận 2 (để báo cáo)
- Công khai bản tin, website trường
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Kim Thành

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Độ tuổi: 6, 7 (sinh năm 2011, 2012). - Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. - Địa bàn tuyển sinh: Có Hộ Khẩu thường trú ở Khu phố 5 phường An Phú và các khu phố 1, 2, 3, 4 phường Bình An. - Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo kế hoạch phân bổ của UBND quận 2.	* Hồ sơ hợp lệ - Khai sinh - Hộ khẩu - Tạm trú trên địa bàn quận 2 - Học bạ - Giấy giới thiệu chuyển trường			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. - HS khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. - Số tiết học: 7 tiết/ngày - Số buổi học: 2 buổi/ngày (có tổ chức bán trú).				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	-Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: +Phối hợp với gia đình trong việc quản lý, giáo dục HS và thực hiện những nhiệm vụ do nhà trường đề ra. +Nhà trường, GVCN, các GV bộ môn phối hợp với gia đình HS của lớp để chăm sóc, quản lý và động viên HS tích cực, tự giác học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ quy định của Điều lệ và nội quy nhà trường. +Giáo viên chủ nhiệm chủ động trong việc phối hợp chăm sóc, quản lý, giáo dục HS. Gia đình HS chịu trách nhiệm đối với những sai phạm, khuyết điểm của con em mình theo quy định của pháp luật và thực hiện kế hoạch của GVCN, của nhà trường.				

		-Yêu cầu về thái độ học tập của HS: +Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành tốt nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. +Kính trọng, lễ phép với thầy, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè và người tàn tật, khuyết tật. +Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. +Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. +Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống nhà trường.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, Văn nghệ, TDTT, tham quan dã ngoại, hoạt động bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Về năng lực, phẩm chất: + 100% HS được đánh giá đạt về năng lực, phẩm chất trở lên (Theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT). * Về học tập: + 99,6% HS hoàn thành chương trình lớp học (từ lớp 1 đến lớp 4); Lên lớp sau khi kiểm tra lại 99,8%. Chưa hoàn thành chương trình lớp học, chưa được lên lớp 0,2% + 100% HS lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học. * Về sức khỏe: + 100% HS có đủ sức khỏe theo học và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh tiếp thu tốt các kiến thức kỹ năng cần thiết, rèn luyện về đạo đức để đủ điều kiện học tập ở các lớp cao hơn và các cấp học tiếp theo.

An Phú, ngày 10 tháng 9 năm 2020



TRƯỞNG

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGUYỄN HIỀN

Nguyễn Kim Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1537	325	438	286	193	295
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1537	325	438	286	193	295
III	Số học sinh chia theo năng lực						
1	Tốt	1273	294	391	199	118	271
2	Đạt	262	29	47	87	75	24
3	Cần cố gắng	2	2	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất						
1	Tốt	1403	313	408	216	186	280
2	Đạt	134	12	30	70	7	15
3	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0
V	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt	951	231	268	161	97	194
2	Hoàn thành	582	90	170	125	96	101
3	Chưa hoàn thành	2	2	0	0	0	0
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Hoàn thành chương trình lớp học	1535	323	438	286	193	295
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường	1277	297	378	221	135	246
b	HS được cấp trên khen thưởng	140	21	30	56	33	0
2	Chưa hoàn thành chương trình lớp học	2	2	0	0	0	0

An Phú, ngày 10 tháng 9 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Kim Thành

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	35	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10.750,7	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.220	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1869,25	
2	Diện tích thư viện (m ²)	121,33	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	211,82	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	198,82	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	64,97	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	26,1	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	77,82	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	7	7/7
1.2	Khối lớp 2	6	6/8
1.3	Khối lớp 3	3	3/10
1.4	Khối lớp 4	2	2/6
1.5	Khối lớp 5	1	1/4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	0/7
2.2	Khối lớp 2	2	2/8
2.3	Khối lớp 3	7	7/10
2.4	Khối lớp 4	4	4/6
2.5	Khối lớp 5	3	3/4

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	24 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	11	11/35
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0/35
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	2/35
5	Bảng tương tác	2	2/35

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	177
XI	Nhà ăn	360

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		10		0,44
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

An Phú, ngày 10 tháng 9 năm 2020



ĐIỀU TRƯỞNG

Nguyễn Kim Thành

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 2
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Năm học 2020 – 2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	65		1	46	9	4	5	14	15	31	21	33	1	
I	Giáo viên	52		0	42	8	2		11	13	28	18	33	1	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	37		0	30	5	2		9	8	20	13	23	1	
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	8			7	1			2	2	4	2	6		
3	Tin học	2			1	1				2			2		
4	Âm nhạc	2			2						2	2			
5	Mỹ thuật	1				1				1			1		
6	Thể dục	2			2						2	1	1		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2	2			
III	Nhân viên	10			2	1	2	5	3	2					
1	Nhân viên văn thư	1					1		1						
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên thư viện	1				1			1						
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1					1					
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
9	Bảo vệ - Phục vụ	5						5							

An Phú, ngày 10 tháng 9 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Kim Thành

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo các QĐ của UBND Quận về giao dự toán và dự toán bổ sung năm 2020)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số	Nội dung	Dự toán được giao
TT		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
II	Tổng số thu, chi sự nghiệp	
1	Số thu sự nghiệp	7.193
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp	7.193
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.496
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.891
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.717
1.2	Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương	1.174
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.605
2.1	Kinh phí thu nhập tăng thêm theo NQ03/2018	4.111
2.2	Kinh phí sửa chữa	140
2.3	Kinh phí mua sắm	117
2.4	Kinh phí cho dạy hòa nhập, khuyết tật	237

Ngày 20 tháng 10 năm 2020

KẾ TOÁN

Đoàn Trần Danh Thảo

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN KIM THÀNH

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN HIỀN

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

(ĐẾN THÁNG 9 NĂM 2020)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	2.990	2.990			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí	0	0			
1.2	Phí	0	0			
2	Thu HDSX, cung ứng dịch vụ	240	240			
	Thu căn tin, bếp ăn	240	240			
3	Thu sự nghiệp khác	2.750	2.750			
	Tổ chức dạy học 2 buổi	393	393			
	Tổ chức dạy Tăng cường Tiếng Anh	273	273			
	Tiếng Anh Tích hợp	782	782			
	Tổ chức dạy học môn tin học	121	121			
	Tổ chức phục vụ và quản lý bán trú	789	789			
	Thu tiền vệ sinh bán trú	102	102			
	Thiết bị vật dụng bán trú	290	290			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2.364	2.364			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0			
1.1	Chi sự nghiệp.....	0	0			
1.2	Chi quản lý hành chính	0	0			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	230	230			
	Thu căn tin, bếp ăn	230	230			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	2.134	2.134			
	Tổ chức dạy học 2 buổi	314	314			
	Tổ chức dạy Tăng cường Tiếng Anh	218	218			

	Tiếng Anh Tích hợp	547	547			
	Tổ chức dạy học môn tin học	57	57			
	Tổ chức phục vụ và quản lý bán trú	672	672			
	Thu tiền vệ sinh bán trú	81	81			
	Thiết bị vật dụng bán trú	245	245			
C	Số thu nộp NSNN	0	0			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0			
1.1	Lệ phí	0	0			
1.2	Phí	0	0			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	0	0			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	0	0			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.114	5.114			
1	Chi quản lý hành chính	0	0			
2	Nghiên cứu khoa học	0	0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.114	5.114	4.197		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.840	4.840	4.197		
	- Mục 6000 Lương	2.472	2.472	2.472		
	+ Tiểu mục: 6001 BC	2.446	2.446	2.446		
	+ Tiểu mục: 6003 HĐ	26	26	26		
	- Mục 6050 Lương theo ND 68	56	56	56		
	+ Tiểu mục: 6051	56	56	56		
	- Mục 6100 Phụ cấp theo lương	1.376	1.376	1.376		
	+ Tiểu mục: 6101 PC Chức vụ	44	44	44		
	+ Tiểu mục: 6105 Phụ trội	151	151	151		
	+ Tiểu mục: 6112 PC ưu đãi	851	851	851		
	+ Tiểu mục: 6113 PC trách nhiệm	20	20	20		
	+ Tiểu mục: 6115 PC thâm niên	307	307	307		
	+ Tiểu mục: 6157 Hỗ trợ CPHT	3,2	3,2	3,2		
	- Mục 6300 Các khoản đóng góp	675	675	675		
	+ Tiểu mục: 6301 BHXH	489	489	489		



	+ Tiểu mục: 6302 BHYT	86	86	86		
	+ Tiểu mục: 6303 KPCĐ	58	58	58		
	+ Tiểu mục: 6304 BH Thất nghiệp	28	28	28		
	+ Tiểu mục: 6349 BNN và TNLĐ	14	14	14		
	- Mục 6400 Các khoản TT cá nhân	274	274	274		
	+ Tiểu mục: 6404 Chi các ngày lễ	136	136	136		
	+ Tiểu mục: 6449 TC Tết của TP	102	102	102		
	- Mục 6500 TT DV công cộng	36	36	36		
	+ Tiểu mục: 6501 Tiền điện	36	36	36		
	- Mục 6700 Công tác phí	12	12	12		
	+ Tiểu mục: 6704	12	12	12		
	- Mục 7750 Chi khác	3,36	3,36	3,36		
	+ Tiểu mục: 7766 cấp bù HP	3,36	3,36	3,36		
3.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên	996	996	946	50	
	+ Tiểu mục: 6449 Chi NQ 03	946	946	946		
	+ Tiểu mục: 6949 Sửa chữa TS	50	50		50	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
11	Chi Chương trình mục tiêu					

KẾ TOÁN



Đoàn Trần Danh Thảo

Ngày 20 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN KIM THÀNH

